

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Trần Thị Quế Minh

+ Phạm Thị Kim Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 373/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ng Đ Tr, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ 15, ấp TB, TĐ, TT, AG (có mặt).

- *Bị đơn:* VTNT, sinh năm 1998; Địa chỉ: Tổ 25, ấp VL, VB, CT, AG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/2018, quá trình tố tụng nguyên đơn anh Ng ĐT trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Ng ĐT và chị VTNT kết hôn vào năm 2015, có tổ chức đám cưới đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TT, tỉnh AG. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, do anh sống bên vợ không hòa hợp được với gia đình chị T, nên anh chị thường

xuân xảy ra bất hòa, gia đình không hạnh phúc, anh và chị Th ly thân từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Anh Tr nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu ly hôn với chị Th.

- Về con chung: Anh chị có một con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo Ly, sinh ngày 27/5/2016. Hiện nay cháu Thảo Ly đang sống với chị Th. Sau khi ly hôn anh đồng ý để chị Th nuôi dưỡng anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: không có

* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định nhưng chị Th không đến theo giấy triệu tập cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Tr.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

+ *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tr

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Anh Tr có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Chị VTNT có nơi cư trú tại xã VB, huyện CT, tỉnh AG. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự: Ngày 13/3/2019, Công an xã VB, huyện Châu Thành xác nhận chị VTNT có đăng ký hộ khẩu tại ấp VL, xã VB, huyện CT,AG nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương. Chị Th thay đổi nơi cư trú nhưng không trình báo cho chính quyền địa phương và cho anh Tr biết theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự. Do đó, Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của chị Th và tiến hành niêm yết các thông báo, quyết định tố tụng cho chị Th tại địa chỉ anh Tr cung cấp tại đơn khởi kiện là tổ 25, ấp VL, xã VB, huyện CT AG

là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Anh Tr và chị Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TT, tỉnh AG và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36/2016 ngày 04/7/2016 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh Tr và chị Th được đoàn tụ, nhưng chị Th đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh Tr, điều đó chứng tỏ chị Th không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có nguyện vọng được đoàn tụ với anh Tr. Theo anh Tr trình bày, chị Th hiện đã có chồng khác. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Tr.

2.2 Về con chung: Theo anh Tr trình bày, anh chị có một con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo Ly sinh ngày 27/5/2016. Từ khi anh chị ly thân cháu Thảo Ly sống với chị Th, tại đơn khởi kiện anh có yêu cầu được nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay anh rút lại yêu cầu nuôi con anh đồng ý để chị Thảo tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thảo Ly, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu được quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu Thảo Ly, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ly là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Th vắng mặt không có văn bản trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Dành quyền khởi kiện cho chị Th về việc cấp dưỡng nuôi con nếu chị Th có yêu cầu.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung: Không yêu cầu.

2.4 Về nợ chung: không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

- Anh Tr là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự;

- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NĐT

- Về quan hệ hôn nhân: Anh NĐT được ly hôn với chị VTNT

Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2016 ngày 04/7/2016 của Ủy ban nhân dân xã Tà Đảnh, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang ký không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Chị VTNT được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo Ly sinh ngày 27/5/2016.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Anh NĐT phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014004 ngày 19/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Anh NĐT được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/5/2019). Chị VTNT được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Chung